



ARCHIMEDES

HƯỚNG DẪN HỌC



TIẾNG VIỆT

LỚP

2

Quyển 4

Ms HUYI



LƯU HÀNH NỘI BỘ - 2021



TUẦN 28: CÂY CỐI

TẬP ĐỌC

“Kho báu” (Theo Ngụ ngôn Ê-dốp)

“Cây dừa” (Trần Đăng Khoa)

KỂ CHUYỆN

“Kho báu”

CHÍNH TẢ

Phân biệt **l/n, s/x, ua/uơ, ên/ênh, in/inh**

Viết hoa tên riêng

Bài 1. Điền **ua** hoặc **uơ** vào chỗ trống (thêm dấu thanh nếu cần):

- Các bạn học sinh đang nô đ_____ dưới sân trường.
- V_____ nào th_____ bé chăn trâu
Trường Yên một ngọn cờ lau tập tành?
- M_____ hè, trời nắng chói chang.
- Cánh đồng l_____ mênh mông, bát ngát.

Bài 2. Điền **ên** hoặc **ênh** vào chỗ trống (thêm dấu thanh nếu cần):

- Đánh trống ghi t_____.
- Cao lớn l_____ kh_____.
- Ăn chắc mặc b_____.
- Đường núi gập gh_____.

Bài 3. Điền **s** hoặc **x** vào chỗ trống:

- Đi ngược về _____ uôi.
- _____ óng to gió lớn.
- Vạn _____ ự như ý.
- Một nắng hai _____ ương.
- _____ ức khoẻ là vàng.
- Lên thác _____ uống ghềnh.
- _____ a mặt cách lòng.

Bài 4. Điền **in** hoặc **inh** vào chỗ trống (thêm dấu thanh nếu cần):

- Lễ duyệt b_____ thường được tổ chức vào ngày Quốc khánh.
- Chúng em tự t_____ bước vào kì thi.
- Đứa bé rất kháu kh_____.
- An sử dụng thành thạo máy vi t_____.

Bài 3. Đọc đoạn văn sau và gạch dưới từ ngữ chỉ các bộ phận của cây:

“Vào những ngày hè oi bức, đứng dưới gốc bàng như đứng dưới một cái ô che nắng. Dưới tán lá xanh um, những cành bàng xoè ra bốn phía như những gọng ô lớn vậy. Thân bàng to gần một vòng tay em nhưng xù xì, lồi lõm. Rễ bàng lan rộng gần bằng tán bàng. Nhiều cái rễ rộp lên to bằng thân cây luống, uốn lượn trên mặt đất.”

Bài 4. Nối tên gọi bộ phận của cây vú sữa với đặc điểm miêu tả cho thích hợp:

a. Thân cây	1. căng tròn, bóng mịn như chứa nắng ở bên trong, bên ngoài phủ lớp áo xanh ngọc bích.
b. Lá cây	2. thẳng, vỏ sần sùi, có nhiều cành dài.
c. Hoa	3. có một mặt thì xanh mơn mớn, một mặt lại có màu nâu đỏ.
d. Quả	4. có mùi thơm nhẹ thoảng phảng phát quanh vườn.

Đặt và trả lời cho câu hỏi “Để làm gì?”

Bài 1. Gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Để làm gì?” trong các câu sau:

- Để thử thách lòng trung thực của những người dự thi, nhà vua đã ra lệnh lược chín toàn bộ số thóc giống.
- Chữ Đồng Tử đã nhường cha manh khổ để thể hiện lòng hiếu thảo của một người con.
- Để làm hài lòng vua cha, những người anh của Lang Liêu đã dâng lên vua cha sơn hào hải vị, nem công chả phượng không thiếu thứ gì.
- Tôi thường giúp mẹ quét nhà để ngôi nhà luôn sạch đẹp.
- Để bảo vệ môi trường, chúng ta không nên chặt phá rừng.

Bài 2. Điền tiếp vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu sau:

- Chúng ta cần đeo khẩu trang để _____
- Để _____, tôi đã đọc mỗi tuần một cuốn sách.
- Hoàng Nam chăm chỉ học bài để _____
- Trường em trồng cây bàng, cây phượng để _____
- Để _____, mẹ em đã trồng rất nhiều hoa hồng.

Bài 3. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong các câu sau:

a. Để có một vóc dáng đẹp và cơ thể khoẻ mạnh, em cần chăm tập thể dục, thể thao.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Sáng nào ông cũng dậy sớm để tưới cây.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Để giữ cho hoa tươi lâu, chúng ta phải thường xuyên thay nước trong bình.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Cây vươn mình đón lấy ánh nắng để nuôi dưỡng những chùm quả trên cành.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Dấu chấm, dấu phẩy

Bài 1. Điền dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong những câu sau:

- a. Cô giáo em xinh đẹp dịu dàng trong tà áo dài.
- b. Mỗi sớm bình minh ông mặt trời lại toả những tia nắng ấm áp.
- c. Quả dưa hấu có vỏ màu xanh thẫm ruột đỏ hạt đen nhánh.
- d. Sau những cơn mưa xuân nắng lên chói chang hơn vải thiếu kết quả.

Bài 2. Điền dấu câu thích hợp vào () trong đoạn trích sau và viết hoa chữ đầu câu:

"Mùa xuân đến () cây hoa giấy đậm chồi nảy lộc () hàng trăm bông hoa giấy thắm đỏ nở đồng loạt trông như một bức thảm đỏ rực () còn cây táo vẫn đứng lặng lẽ một góc vườn () thân cành trơ trụi () cây hoa giấy nói:

- Táo ơi! Cậu nên đi khỏi khu vườn này để lấy chỗ cho tớ trở hoa thì hơn.

Cây táo con nép mình im lặng () ít lâu sau () cây táo mới mọc lá () những chiếc lá tròn tròn bóng láng và hiem hoi () lúc này () cây hoa giấy đã lên kín giàn () một thời gian sau () cây táo bắt đầu nở hoa () hoa táo thoảng mùi thơm dịu nhẹ trong gió () chẳng bao lâu () hoa tàn và kết thành những quả táo nhỏ xíu màu xanh () đến mùa thu () những quả táo đã to và chín vàng ()"

(Theo Thành Tuấn)

TẬP LÀM VĂN Đáp lời chia vui

Tả ngắn về cây cối

I. Kiến thức

1. Đáp lời chia vui

Khi nhận được lời chia vui, chúng ta nên đáp lại bằng thái độ niềm nở và lời cảm ơn chân thành.

2. Tả ngắn về cây cối

- Giới thiệu về cây sẽ tả.
- Tả bao quát: hình dáng, kích thước... của cây.
- Tả chi tiết các bộ phận của cây: rễ, gốc, thân, cành, lá, hoa, quả...
- Nêu lợi ích của cây.
- Thể hiện cảm xúc, em chăm sóc cây như thế nào?

II. Bài tập

Mỗi cây có một vẻ đẹp riêng. Hãy viết đoạn văn từ 6 đến 8 câu nói về một loài cây mà em thích.



PHIẾU CUỐI TUẦN 28

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Vườn cải

“Đằng sau nhà Lan có một vườn cải. Đó là một khoảng đất nhỏ chỉ bằng một cái sân hẹp, một công trình chăm bón của Lan. Để để phòng sự tàn phá của bọn gà vịt, Lan đã rào bốn phía, chỉ làm một cái cửa nhỏ. Bốn luống cải chạy đều một hàng. Màu xanh tươi tắn rải đều trên nền đất vàng sẫm. Có luống vừa mới bén rễ, mới trở được đôi ba tàu lá xanh rờn. Có luống những tàu lá cải đã vồng cao. Ở giữa chòm lá loà xoà đó vươn lên một cái thân dài bụi bẫm. Đầu thân đã lơ thơ những chùm hoa vàng li ti. Vườn cải chỉ đẹp nhất khi đã nở hoa vàng. Lúc ấy có không biết bao nhiêu là bướm rủ nhau đến chơi ở vườn cải. Chúng họp thành đàn bay rập rờn trên từng cành lá. Lại thêm có mưa xuân về sớm. Mưa không ra mưa mà chỉ như trời đổ bụi mưa xuống. Lúc này vườn cải trông như xanh tươi hơn.”

(Theo Tô Hoài)

1. Khoảng đất nhỏ sau nhà Lan được sử dụng để làm gì?
 - a. nuôi gà
 - b. trồng hoa lan
 - c. trồng rau cải
2. Vườn cải đẹp nhất khi nào?
 - a. khi cải đã nở hoa vàng
 - b. khi cải vừa bén rễ, trở những tàu lá xanh rờn
 - c. khi những tàu lá cải vồng cao
3. Tác giả đã miêu tả những bộ phận nào của cây cải?
 - a. rễ, thân, hoa, quả
 - b. rễ, lá, thân, hoa
 - c. rễ, lá, hoa, quả
4. Mưa xuân làm cho vườn cải như thế nào?
 - a. vàng rực lên
 - b. xanh tươi hơn
 - c. tàn úa đi
5. Bộ phận trả lời cho câu hỏi “Để làm gì?” trong câu sau: “Để để phòng sự tàn phá của bọn gà vịt, Lan đã rào bốn phía, chỉ làm một cái cửa nhỏ.” là:
 - a. Để để phòng
 - b. Để để phòng sự tàn phá
 - c. Để để phòng sự tàn phá của bọn gà vịt

Bài 2. Điền l hoặc n vào chỗ trống:

__úng __ẩng __ôn __óng màu __âu __ong __anh
 __ước __anh tia __ẩng __ây __an __ồng __àn

Bài 3. Gạch dưới từ chỉ sự vật, khoanh vào từ chỉ đặc điểm, tính chất trong đoạn văn sau:

Mấy bông hoa vàng tươi như những đốm nắng đã nở sáng trưng trên giàn mướp xanh mát. Cái giàn trên mặt ao soi bóng xuống làn nước lấp lánh hoa vàng.

Bài 4. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong các câu sau :

a. Cây xương rồng biến lá thành gai để có thể sống được ở nơi khô hạn.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Ông em trồng cây cúc vạn thọ để lấy hoa ướp trà.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Cây đa mọc thêm nhiều rễ phụ từ thân và cành để chống đỡ cho cây đứng chắc hơn.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Chúng ta cần tích cực trồng rừng ngập mặn để bảo vệ đê biển.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 5. Điền vào chỗ trống từ ngữ thích hợp trả lời cho câu hỏi “Để làm gì?”:

a. Em thường xuyên tưới nước cho cây _____

b. Đàn chim ríu rít rủ nhau bay về khu vườn _____

c. Giờ ra chơi, chúng em ra sân _____

Bài 6. Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào () trong đoạn trích sau:

“Một hôm () Trâu đi ăn về thì nghe phía trước có tiếng cười đùa âm ĩ () Trâu dừng lại vểnh tai nghe ngóng () Bồng Nai hít hải chạy qua báo tin có Hổ đến () Nghĩ là Hổ đuổi thật () Trâu cuống cuống phóng thẳng () đâm vào gốc cây () không sao chạy được nữa ()”

TUẦN 29: CÂY CỐI

TẬP ĐỌC

"Những quả đào" (Phỏng theo Lép Tôn-xtôi)

"Cây đa quê hương" (Theo Nguyễn Khắc Viện)

KỂ CHUYỆN

"Những quả đào"

CHÍNH TẢ

Phân biệt **s/x**, **in/inh**

Bài 1. Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

- a. (sao, xao): ngôi _____, _____ động, _____ xuyên, lao _____
- b. (tín, tính): _____ dụng, _____ chất, _____ hiệu, _____ cách
- c. (xin, xinh): _____ xắn, _____ xỏ, _____ lỗi, _____ đẹp

Bài 2. Điền **in** hoặc **inh** vào chỗ trống (thêm dấu thanh nếu cần):

- a.
- "Cây xấu hổ
 Vì chẳng tự t_____
 Cây đứng một m_____
 Suốt đời lặng th_____"
- b. Minh vừa nhận được t_____ thông báo bữa tiệc sẽ được tổ chức l_____ đình.

Bài 3. Điền **s** hoặc **x** vào chỗ trống:

Cây sấu

"Vườn em nhiều cây trái
 Nhãn, mít, hồng, bưởi, mơ
 Riêng em ưa cây _____
 Cây _____ của tuổi thơ.
 Cuối xuân, _____

 Em quét về phơi nắng
 Dành cho bà thổi cơm.

[...] Trời nắng rát, _____
 Da chuyển màu vàng ửng
 Cắn một miếng giòn tan
 Mà ngọt chua còn đọng.
 Dẫu quen nhiều trái lạ
 Vẫn nhớ gốc _____
 Đã cho ngọt cho chua
 Cả một thời thơ bé."

(Theo Vũ Ngọc Bình)

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về cây cối

Đặt và trả lời cho câu hỏi “Để làm gì?”

Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về cây cối

Bài 1. Xếp tên các loài cây có trong bài đồng dao sau đây theo nhóm:

“Trồng đậu trồng cà

Cây cam cây quýt

Hoa hòe hoa khế

Cây mít cây hồng

Khế ngọt khế chua

Cành đa lá nhãn

Cột đình cột chùa

Ai có chân, ai có tay thì rứt!”

Hai ta ôm cột

(Đồng dao)

– Cây lương thực, rau xanh:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

– Cây ăn quả:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

– Cây bóng mát:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

– Cây hoa:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 2. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống:

(Hồng Nhung, Râm Bụt, Huệ)

“Cô _____ trắng muốt, thơm ngào ngạt, dáng mảnh mai, kiêu kì.

Cô _____ đóm dáng một cách kín đáo, áo của cô đỏ thắm óng ánh những giọt sương. Tuy ở cùng với nhiều chị em nhà hoa nhưng ít khi cô trò chuyện với ai. Các cô Thược Dược sắc sỡ, áo các cô nhiều màu, miệng các cô lúc nào cũng toe toét...

Trong vườn, muôn loài hoa đua nở, nhưng ít ai nhắc đến hoa _____.
quanh năm đứng ở bờ rào, quây quần với nhau, không dám chơi với các chị em nhà hoa khác.”

(Theo Xuân Quỳnh)



Bài 3. Gạch dưới các từ chỉ các bộ phận của cây:

a. **Cây thị**

“Lá xanh, quả xanh

Lặng im trên cành

Lá xanh, quả vàng

Chim chuyền rung rinh.”

(Phạm Hồ)

b. **Cây chuối**

“Cây chuối mẹ chưa già

Cây chuối con đã lớn

Chẳng sinh từ hạt, quả

Cây mọc từ gốc ra.”

(Sưu tầm)

c. **Cây quất**

“Là hoa hay là quả

Là trăng hay là sao

Có ai đánh đâu nào

Mà lại tên là quất.”

(Vũ Hạnh Thắm)

Bài 4. Nối cụm từ ở cột A với từ ngữ thích hợp ở cột B:

A
1. Từ ngữ tả thân cây
2. Từ ngữ tả cành cây
3. Từ ngữ tả rễ cây
4. Từ ngữ tả lá cây
5. Từ ngữ tả hoa

B
a. xanh mướt, xanh um, xanh thẫm, xanh biếc, xanh rì, xanh rờn, xanh non, úa vàng, khô héo...
b. nghiêng nghiêng, thẳng đuột, to, cao, phủ đầy gai, bạc phếch, nhẵn bóng...
c. đỏ chói, đỏ rực, đỏ tươi, tím ngắt, vàng thẫm, vàng tươi...
d. khẳng khiu, cong queo, ngoằn ngoèo, uốn lượn...
e. gỗ ghề, cắm sâu vào lòng đất, nổi lên quanh gốc...

Đặt và trả lời cho câu hỏi “Để làm gì?”

Bài 1. Gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi “Để làm gì?” trong mỗi câu sau:

- Bọn trẻ đã xin bác thợ làm vườn những hạt giống để đem về nhà trồng.
- Để hưởng ứng phong trào “Làm xanh môi trường”, lớp em đã trồng thêm mười cây ở sân trường.
- Liên cắt chấu cây vào chỗ râm để cây không bị khô héo.
- Lớp chị Tâm đi tham quan vườn quốc gia để tìm hiểu về cây cối trong rừng.

Bài 2. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong mỗi câu sau:

a. Người ta trồng cây cà phê để lấy hạt làm đồ uống.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Chú mèo mướp nằm lì trong ống tro bếp để sưởi ấm.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Ở quê, bà Bình dành riêng một khu vườn để trồng rau cho cả gia đình ăn.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Các loài hoa đều tỏa hương thơm và sữa soạn thứ mật dịu ngọt để đón ong bướm đến thăm.

Bài 3. Viết câu trả lời cho các câu hỏi sau:

a. Người ta trồng những hàng cây bên đường để làm gì?

b. Các cô chú công nhân cắt tỉa cây trên đường phố để làm gì?

c. Các bác nông dân trồng lúa để làm gì?

d. Đối với cây non mới trồng, người ta buộc cây vào que chống để làm gì?

TẬP LÀM VĂN Đáp lời chia vui

Nghe – trả lời câu hỏi

Đọc câu chuyện sau và trả lời câu hỏi:

Bông cúc vàng

“Một cây cúc mọc ở bãi đất bồi ven sông. Đất dón chất màu cho cây. Cây lớn nhanh như thổi, nó nở bông hoa vàng vào một buổi bình minh. Ông mặt trời rót vàng xuống bãi đất. Chì gió mang đến hơi ấm dịu dàng. Dòng sông rì rào. Chim ca líu lo... Để tỏ lòng biết ơn, bông cúc nở đẹp rực rỡ, cánh thon nhỏ xíu như những cái kim vàng. Ngày nọ, có đàn bướm bay qua, chúng sửng sốt:

– Bông cúc đẹp như vậy mà ở nơi hẻo lánh này, thật phí!

Thấy lũ bướm và bầy chào mào không đến nữa, bông cúc tự hỏi: Có phải mình đã sống vô ích? Rồi một hôm, bông cúc vàng run run hỏi cây:

– Con có vô ích không?

– Ô không!

– Nhờ con mà nơi đây đẹp lên bội phần.

Một thời gian sau, trên bãi đất bồi, một khóm cúc xanh tốt đang hát rì rào, rất nhiều bướm và chim bay là là trên sông. Chúng say sưa ngắm những bông cúc vàng rực rỡ in bóng dưới lòng sông xanh ngắt.”

(Theo Đức Ban)

a. Để tỏ lòng biết ơn đất, mặt trời, gió và chim, bông cúc đã làm gì?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Đàn bướm sửng sốt vì điều gì?

c. Vì sao cây cho rằng bông cúc đã không sống vô ích?

PHIẾU CUỐI TUẦN 29

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Cây trong vườn

“Khu vườn nhà Loan không rộng lắm. Nó chỉ bằng cái sân nhỏ nhưng có bao nhiêu là cây. Mỗi cây có một đời sống riêng, một tiếng nói riêng. Cây lan, cây huệ nói chuyện bằng hương, bằng hoa. Cây mơ, cây cải nói chuyện bằng lá. Cây bầu, cây bí nói bằng quả. Cây khoai, cây dong nói bằng củ, bằng rễ. Phải yêu vườn, Loan mới hiểu được lời nói của các loài cây.

Cũng trên một mảnh vườn, sao lời cây ớt cay, lời cây sung chát, lời cây cam ngọt, lời cây móng rồng thơm như mít chín, lời cây chanh chua... Trăm cây trong vườn đều sinh ra từ đất. Đất nuôi dưỡng cây bằng sữa của mình. Đất truyền cho cây sắc đẹp, mùa màng. Chính đất là mẹ của các loài cây.”

(Theo Trần Mạnh Hào)

1. Cây nào nói chuyện bằng hương, bằng hoa?

a. cây bầu, cây bí

b. cây lan, cây huệ

c. cây mơ, cây cải

2. Lời cây nào chát?

a. cây ớt

b. cây móng rồng

c. cây sung

3. Cây được nuôi dưỡng bằng gì?

a. sữa của đất

b. hơi mát của gió

c. hơi ấm của nắng

4. Trong đoạn trích, đất được gọi là gì?

a. bà tiên

b. cha của các loài cây

c. mẹ của các loài cây

Bài 2. Gạch dưới những từ ngữ chỉ bộ phận của cây trong đoạn thơ, câu văn sau:

a.

“Thân dừa bạc phéch tháng năm

Quả dừa – đàn lợn con nằm trên cao.

Đêm hè hoa nở cùng sao

Tàu dừa – chiếc lược chải vào mây xanh.”

b. “Trên những bãi đất phù sa, các vòm lá cây quanh năm xanh um đã dần dần chuyển sang màu lốm đốm...”

Bài 3. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong các câu sau:

a. Rễ cây hút chất dinh dưỡng trong đất để nuôi cây lớn.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Ong hút nhụy hoa để làm ra những giọt mật thơm ngon.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Bổ vun gốc cho cây để cây không bị đổ và có thêm chất dinh dưỡng.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 4. Giải câu đố sau:

"Mỗi cây một quả mới vui
Trên đầu vài sợi tóc thời răng cưa.
Quả đầy những mắt lạ chưa
Gọt ra bỏ mất ăn vừa ngọt thơm."

Là: _____

Bài 5. Viết đoạn văn khoảng 6 câu kể về một loại quả mà em biết.

TUẦN 30: BÁC HỒ

TẬP ĐỌC

“Ai ngoan sẽ được thưởng” (Theo Tuý Phương và Thanh Tú)

“Cháu nhớ Bác Hồ” (Theo Thanh Hải)

KỂ CHUYỆN

“Ai ngoan sẽ được thưởng”

CHÍNH TẢ

Phân biệt **tr/ch**, **ê/êch**

Bài 1. Điền **tr** hoặc **ch** vào chỗ trống:

a. “Bác ơi nhớ mấy cho cùng
Ngoài xa Bác có thấu lòng ___áu không
Đêm đêm ___áu những bàng khuâng
Giở xem ảnh Bác cất thắm bấy lâu
Nhìn mắt sáng, nhìn ___òm râu
Nhìn vầng ___án rộng, nhìn đầu bạc phơ...”
(Theo Thanh Hải)

b. “Mười lăm năm... mỗi sáng ___iều
Bác Hồ ___ăm ___út, nâng niu từng cành.
Cây càng khoẻ, lá càng xanh
Như miền Nam đó ___ường thành nở hoa.”
(Theo Quốc Tấn)

Bài 2. Điền vào chỗ trống **ê** hoặc **êch** (thêm dấu thanh nếu cần):

- _____ ngồi đáy giếng. - Mùa xuân là T_____ trồng cây.
- Chiếc mũ đã bạc ph_____. - Chú bé có cái mũi h_____.
- Ch_____ vinh còn hơn sống nhục. - Chị Thảo là một cô gái n_____ na.

Bài 3. Điền vào chỗ trống:

a. **chải** hoặc **trải**:

- chiếc lược _____ đầu - bàn _____ đánh răng
- _____ chiếu ra sân - _____ qua thử thách
- suốt ngày _____ chuốt - chiếc thảm _____ nhà

b. **chuyên** hoặc **truyền**:

- thi đấu bóng _____ - _____ thống yêu nước
- vô tuyến _____ hình - giọng nói _____ cảm

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về Bác Hồ

Bài 1. Gạch dưới những từ ngữ nói lên tình cảm của Bác Hồ đối với các bạn nhỏ trong đoạn thơ sau:

“Hôm nào Bác đến thăm nhà,
 Cháu vui, vui cả lá hoa ngoài vườn.
 Bác xoa đầu cháu Bác hôn,
 Bác thương em cháu xúc cơm vụng về.
 Bác ngồi ngay ở bên hè,
 Bón cho em cháu những thìa cơm ngon.
 Bé em mắt sáng xoe tròn,
 Vươn mình tay nhẹ xoa chòm râu thưa.
 Bác cười, Bác nói hiên hoà
 Nâng bàn tay nhỏ nơn nà búp tơ.”

(Theo Thái Hoà)

Bài 2. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống:

(dân, dịu dàng, liêm khiết, tấm gương, cứu nước, danh lợi)

“Nắng mưa giông bão phủ phàng
 Hoa sen vẫn nở _____ toả hương
 Bác Hồ là một _____
 Thanh tao _____ yêu thương mọi người
 Bôn ba từng trải bao nơi
 Tìm đường _____ xứ người gian truân
 Không màng _____ cá nhân
 Nâng niu tất cả vì _____ trọn đời.”

(Theo Bùi Văn Hoa)

Bài 3. Tìm từ ngữ tả Bác Hồ:

a. đôi mắt của Bác:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. vầng trán của Bác:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. mái tóc của Bác:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

TẬP LÀM VĂN Nghe – trả lời câu hỏi

Nhớ lại một câu chuyện về Bác Hồ em đã đọc (nghe) rồi kể lại câu chuyện dựa theo những gợi ý sau:

- Tên câu chuyện là gì?
- Em biết câu chuyện này ở đâu? (sách nào, ai kể)
- Từng sự việc chính của câu chuyện (kể theo đúng trình tự các sự việc).
- Qua câu chuyện, em biết thêm điều gì về Bác Hồ?

PHIẾU CUỐI TUẦN 30

Bài 1. Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện các yêu cầu:

Bể cá vàng dành cho các cháu

"Các bạn đều biết ngôi nhà sàn của Bác ở Phủ Chủ tịch rất đơn sơ nhưng khi thiết kế, Bác đã đề nghị các đồng chí xây cho Bác một hàng ghế xi măng bao quanh để các cháu thiếu nhi đến thăm có chỗ ngồi. Thấy các cháu có chỗ ngồi nhưng lại không có gì để chơi, Bác lại đề nghị kiếm một bể cá để nuôi cá vàng cho các cháu đến thăm có cá để xem. Thấy các cháu xúm xít xem cá trong bể, Bác rất vui. Hàng ngày, sau giờ làm việc, Bác thường cho cá vàng ăn. Bác để dành những mẩu bánh mì ăn sáng làm thức ăn nuôi cá. Được Bác chăm sóc, mấy con cá vàng trong bể ngày một lớn và phát triển thành cả một đàn cá. Mùa đông trời lạnh, Bác nhờ mấy chú làm một chiếc nắp đậy bể để bảo đảm độ ấm cho cá.

Mỗi lần đến thăm nhà sàn của Bác, khách thường thích thú ngắm bể cá, nhất là khách thiếu nhi."

(Theo Chuyện kể về Bác Hồ)

1. Bác Hồ đã đề nghị các đồng chí xây cho một hàng ghế xi măng để làm gì?
 - a. để Bác ngồi nghỉ
 - b. để khách đến thăm có chỗ ngồi nghỉ
 - c. để các cháu thiếu nhi đến thăm có chỗ ngồi
2. Bác đề nghị kiếm một bể cá vàng để làm gì?
 - a. để làm đẹp thêm cho cảnh vật
 - b. để các cháu thiếu nhi đến thăm có cá để xem
 - c. để Bác ngắm cá sau khi làm việc
3. Khi thấy các cháu xúm xít xem cá trong bể, Bác cảm thấy thế nào?
 - a. rất buồn
 - b. rất lo lắng
 - c. rất vui
4. Qua câu chuyện, em thấy Bác là người như thế nào?

Bài 2. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống:

(đơn sơ, chiến khu, vườn cây, nhà sàn, ao cá, giản dị)

Bác Hồ sống rất _____. Hồi còn ở _____ Việt Bắc, Bác sống và làm việc trong một căn _____ mái tranh vách nứa. Kháng chiến thắng lợi, Bác về Thủ đô cũng chỉ sống và làm việc ở một ngôi nhà sàn _____. Xung quanh nhà có _____, _____ do chính tay Bác chăm nom, vun trồng.

Bài 3. Tìm trong đoạn văn sau những từ ngữ nói về phẩm chất của Bác Hồ:

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành sự quan tâm đặc biệt của những người nước ngoài. Một nhà báo Mỹ đã viết về Bác bằng giọng văn đầy cảm phục: “Với thân hình gầy gò, chòm râu dài, chiếc áo khoác cũ và đôi dép cao su đã mòn, Hồ Chí Minh đã tạo ra một hình ảnh Bác Hồ hiền lành, giản dị.” Còn một nhà báo Ác-hen-ti-na đã ca ngợi về Người: “Hồ Chí Minh đã thổi vào hồn nhân dân Việt Nam sự khiêm nhường, lòng quả cảm và chủ nghĩa anh hùng.”

Bài 4. Đặt hai câu về Bác Hồ, mỗi câu chứa một từ vừa tìm được ở Bài 3:

Bài 5. Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào () trong đoạn trích sau:

Những ngày làm bồi tàu () anh Ba đã phải nếm trải khá nhiều công việc nặng nhọc () quá sức () Ngày ngày () anh phải dậy từ rất sớm để lau chảo () nắn than () nhóm lò () gọt măng () vận chuyển thực phẩm dưới hầm lạnh lên () Làm việc quần quật từ sáng đến tối () mồ hôi vã ra mà tiền công lại rất ít ()

(Thao Trần Viết Lưu)

TUẦN 31: BÁC HỒ

TẬP ĐỌC

“Chiếc rế đa tròn” (Theo tập sách Bác Hồ Kính yêu)

“Cây và hoa bên lăng Bác”

KỂ CHUYỆN

“Chiếc rế đa tròn”

CHÍNH TẢ

Phân biệt **r/d/gi**, **dấu hỏi/dấu ngã**

Bài 1. Chọn tiếng thích hợp điền vào chỗ trống:

a. **dang/ giang/ rang:**

cơm _____, dờ _____, giỏi _____, _____ sơn, _____ lạc, _____ cánh

b. **dao/ giao/ rao:**

_____ bán, bàn _____, con _____, cầu _____, _____ việc, tiếng _____

c. **kẻ/ kê:**

thước _____, _____ hờ, _____ vỡ, _____ lá, kín _____, _____ cặp

d. **bảo/ bão:**

_____ ban, _____ tổ, mưa _____, _____ vệ, _____ biển, _____ đảm

Bài 2. Điền dấu hỏi hoặc dấu ngã thích hợp vào những chữ in đậm:

a. “Ta đi trên **quang** trường

Bâng khuâng như **vân** thấy

Nắng reo trên **lê** đài

Có bàn tay Bác **vây**.”

(Theo Nguyễn Phan Hách)

b. “Bác sống như trời đất **qua** ta

Yêu từng ngọn lúa, **môi** cảnh hoa

Tự do cho **môi** đời nô lệ

Sưa đê em thơ, lụa tặng già.”

(Theo Tố Hữu)

c. “Bác Hồ thức. Năm canh không ngủ

Nghe phong ba gào thét đá ghềnh

Vưng tay lái. Ôi người **thuy thu**

Đa từng quen bốn **biên** lệnh đênh!”

(Theo Tố Hữu)

d. “Có **nhưng** mùa đông, Bác Hồ sống ở Pa-ri, **thu** đô nước Pháp. Bác trọ trong một khách sạn **re** tiền ở xóm lao động. Buổi sáng, trước khi đi làm, Bác **đê** một viên gạch vào bếp lò. Tối về, Bác lấy viên gạch ra, bọc nó vào một tờ giấy báo cũ, **đê** xuống dưới nệm nằm cho **đơ** lạnh.”

(Theo Trần Dân Tiên)

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về Bác Hồ

Dấu chấm, dấu phẩy

Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về Bác Hồ

Bài 1. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống:

(râm bụi, mát mẻ, chăm sóc, giản dị, nhà sàn, hoa huệ, thơm ngát)

Bác Hồ là người sống rất _____. Ở chiến khu hay ở Hà Nội, Người đều sống ở một ngôi _____ lộng gió. Vào thăm nhà Bác tại Phủ Chủ tịch, chúng ta phải đi qua một ngõ dài _____, hai bên trồng toàn _____. Hàng cây gợi nhớ hình ảnh quê nhà Bác. Bác rất yêu _____, loài hoa có mùi hương _____. Hằng ngày, ngoài giờ làm việc, Bác _____ chu đáo vườn cây, ao cá của Bác.

Bài 2. Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:

Bác Hồ ở chiến khu

“Một nhà sàn đơn sơ vách nứa
Bốn bên suối chảy cá bơi vui
Đêm đêm cháy hồng bên bếp lửa
Ánh đèn khuya còn sáng trên đồi.

Nơi đây sống một người tóc bạc
Người không con mà có triệu con
Nhân dân ta gọi Người là Bác
Cả đời Người là của nước non.”

(Theo Nguyễn Đình Thi)

a. Tìm những từ ngữ cho thấy ở chiến khu, Bác Hồ sống rất giản dị.

b. Trong câu “Người không con mà có triệu con”, từ “triệu con” chỉ ai?

--	--	--	--	--	--	--	--

c. Em hiểu câu “Cả đời Người là của nước non” ý nói gì?

Dấu chấm, dấu phẩy

Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào () trong đoạn trích sau:

“Nghe tiếng anh Ba từ lâu () nay được gặp () anh em thủy thủ rất mừng () Mọi người ngồi vào giữa sàn tàu () nhường chiếc ghế đệm duy nhất cho anh Ba () Anh Ba liền ngồi xuống sàn () đẩy chiếc ghế mời anh Đờn là người nhiều tuổi nhất () Giữa lúc ấy () một thủy thủ trẻ rót nước () luynh quynh đánh rơi cái nắp ấm () làm nước đổ xuống khay () Anh ta bèn văng tục làm ai cũng bật cười () Anh Ba vỗ vai anh bạn trẻ nhẹ nhàng nói: “Cái ấm nó có nghe được đâu mà chú em chửi và tại chú em chửi đâu tại cái ấm”.”

(Theo Chuyện kể về Bác Hồ)

TẬP LÀM VĂN Đáp lời khen ngợi

Tả ngắn về Bác Hồ

I. Kiến thức

Khi nhận được lời khen ngợi, chúng ta cần đáp lại bằng thái độ vui vẻ và lời cảm ơn, hứa hẹn.

II. Bài tập

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước đoạn hội thoại thể hiện phép lịch sự của người nói:

- a. – Bạn viết chữ đẹp quá!
– Thế à, cảm ơn cậu.
- b. – Bạn thông minh thật đấy, bài toán khó vậy mà cũng làm được.
–�ớ lúc nào chả thông minh.
- c. – Này, cho mượn bút để làm bài tập nhé.
– Cứ việc.
- d. – Hoa ơi! Bạn có thể cho mình đi nhờ về được không?
– Thế thì vui quá! Lên đây tớ chở nào.

Bài 2. Đọc câu chuyện sau và thực hiện yêu cầu:

“Chim Sơn Ca suốt ngày cất tiếng hót líu lo khiến cho khu vườn xuân trở nên nhộn nhịp. Các bạn Ong, Bướm và Hoa rất yêu quý và ngưỡng mộ giọng hót của Sơn Ca. Bướm và Hoa nói:

- Nhờ cậu mà khu vườn của chúng ta vui vẻ và nhộn nhịp hơn bao nhiêu.
- Nhờ tiếng hát của Sơn Ca mà tôi cảm thấy yêu đời và làm việc chăm chỉ hơn đây!”

Theo em, Sơn Ca sẽ nói gì với các bạn? Hãy viết lời của Sơn Ca.

Bài 3. Viết đoạn văn khoảng 6 câu miêu tả Bác Hồ kính yêu qua một bức ảnh.

PHIẾU CUỐI TUẦN 31

Bài 1. Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Quả táo của Bác Hồ

"Hôm ấy, toà Thị chính Pa-ri (thủ đô nước Pháp) mở tiệc lớn đón mừng Bác. Tiệc tan, mọi người mời Bác ra phòng lớn uống nước và nói chuyện. Bác vui vẻ đứng dậy, cầm trên tay một quả táo đỏ. Nhiều người ngạc nhiên. Nhiều con mắt tò mò chú ý.

Bác ra đến ngoài thì có một đám thiếu nhi ríu rít chạy tới chào. Bác tươi cười bế em gái nhỏ nhất lên và cho em quả táo. Mọi người bấy giờ mới vỡ lẽ và rất cảm động trước cử chỉ thương yêu của Người."

(Theo Bác Hồ kính yêu)

* *Toà thị chính:* Nơi làm việc của chính quyền thành phố.

- Câu chuyện diễn ra ở đất nước nào?
 - Việt Nam
 - Pháp
 - Nhật Bản
- Trước khi rời bữa tiệc để ra phòng lớn uống nước và nói chuyện, Bác đã làm gì?
 - đứng dậy cảm ơn mọi người
 - cầm lấy một chiếc bánh trong bữa tiệc
 - cầm lấy một quả táo trong bữa tiệc
- Hành động của Bác khiến cho mọi người thế nào?
 - ngạc nhiên và tò mò chú ý
 - không hài lòng
 - vui vẻ, hào hứng
- Khi các em thiếu nhi chạy tới chào, Bác đã làm gì?
 - Bác khen các em thiếu nhi ngoan ngoãn, lễ phép.
 - Bác bế một bé gái nhỏ nhất và cho em quả táo.
 - Bác xoa đầu một em bé lớn nhất và cho em quả táo.
- Câu "Tiệc tan, mọi người mời Bác ra phòng lớn uống nước và nói chuyện." thuộc kiểu câu nào?
 - Ai là gì?
 - Ai làm gì?
 - Ai thế nào?

Bài 2. Gạch dưới những từ ngữ miêu tả Bác Hồ trong đoạn thơ sau:

“Nhớ hình Bác giữa bóng cờ
Hồng hào đôi má, bạc phơ mái đầu.
Mắt hiền sáng tựa vì sao
Bác nhìn đến tận Cà Mau cuối trời...
Nhìn mắt sáng, nhìn chòm râu
Nhìn vầng trán rộng, nhìn đầu bạc phơ...”

(Theo Thanh Hải)

Bài 3. Chọn từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

(chịu đựng, nắn nết, tập thể dục, giản dị, dọn dẹp, leo núi)

“Bác Hồ sống rất _____ nhưng rất có _____. Sáng nào cũng vậy, cứ khoảng bốn rưỡi, năm giờ, khi sương mù còn bồng bềnh trên các ngọn cây, khe núi, Người đã dậy, _____ chắn màn, rồi chạy xuống bờ suối _____ và tắm rửa. Sáng sớm, Bác còn tập _____. Bác chọn những quả núi quanh vùng cao nhất để leo lên với đôi bàn chân không. Sau giờ tập, Bác tắm nước lạnh để luyện _____ với giá rét.”

(Theo tập sách Đầu nguồn)

Bài 4. Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào () trong đoạn trích sau và viết hoa chữ đầu câu:

Ngoài việc dạy văn hoá () thầy Nguyễn Tất Thành còn dạy học sinh luyện tập thể dục () mỗi buổi lên lớp () học trò thường chăm chú lắng nghe thầy giáo trẻ giảng bài () giọng thầy ấm áp () thái độ ân cần () đôi mắt ánh lên niềm tin yêu.

(Sưu tầm)

LUYỆN TẬP CHUNG (SỐ 5)

Bài 1. Điền vào chỗ trống rồi giải đố:

a. **r, d** hoặc **gi**:

"Mùa gì ____iu nắng

Mây nhẹ nhàng bay

____ó khê ____ung cây

Lá vàng ____ơi ____ụng?"

Là mùa _____

b. **s** hoặc **x**:

"Nhớ ____ưa từ thuở vua Hùng

An Tiêm vỡ đất muôn trùng đảo ____a

____óng đưa quả quý làm quà

Tấm lòng thơm thảo vua cha bùi ngùi."

Là quả _____

c. **in** hoặc **inh** (thêm dấu thanh nếu cần):

"Bụng chứa đầy mực

M____ dài x____ x____

Ngày đêm tận t____

Giúp em viết chữ."

Là cái _____

Bài 2. Đọc câu chuyện sau rồi khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Bát chè sê đôi

"Đồng chí liên lạc đi công văn 10 giờ đêm mới đến. Bác gọi mang ra một bát, một thìa con. Rồi Bác đem bát chè đậu đen đường phèn mà anh em phục vụ vừa mang lên, sê một nửa cho đồng chí liên lạc.

- Cháu ăn đi!

Thấy đồng chí liên lạc ngần ngại, lại có tiếng đằng hắng bên ngoài, Bác giục:

- Ăn đi, Bác cùng ăn...

PHIẾU ÔN SỐ 7

I. Đọc – hiểu

Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu chuyện về ba chiếc ba lô

"Trong những ngày sống ở Việt Bắc, mỗi lần Bác đi công tác, có hai đồng chí đi cùng. Vì sợ Bác mệt, nên hai đồng chí định mang hộ ba lô cho Bác, nhưng Bác nói:

- Đi đường rừng, leo núi ai mà chẳng mệt, tập trung đồ đạc cho một người mang đi thì người đó càng chóng mệt. Cứ phân ra mỗi người mang một ít.

Khi mọi thứ đã được phân ra cho vào ba chiếc ba lô rồi, Bác còn hỏi thêm:

- Các chú đã chia đều rồi chứ?

Hai đồng chí trả lời:

- Thưa Bác, rồi ạ.

Ba người lên đường. Qua một chặng, mọi người dừng chân, Bác đến chỗ đồng chí bên cạnh, xách chiếc ba lô lên.

- Tại sao ba lô của chú nặng mà ba lô của Bác lại nhẹ?

Sau đó, Bác mở cả ba chiếc ba lô ra xem thì thấy ba lô của Bác nhẹ nhất, chỉ có chăn màn. Bác không đồng ý và nói:

- Chỉ có lao động thật sự mới đem lại hạnh phúc cho con người.

Hai đồng chí kia lại phải san đều đồ đạc vào ba chiếc ba lô."

(Theo Chuyện kể về Bác Hồ)

1. Lúc đầu, vì sợ Bác mệt nên hai đồng chí định làm gì?

- a. mang bớt đồ đạc cho Bác để ba lô của Bác nhẹ hơn
- b. bỏ bớt đồ đạc ở lại để ba lô của Bác nhẹ hơn
- c. mang hộ ba lô cho Bác

2. Trước khi lên đường, Bác đã dặn hai đồng chí điều gì?

- a. chia đều đồ đạc vào ba chiếc ba lô để ba người cùng mang
- b. chia vào ba lô của Bác nhiều đồ đạc hơn
- c. tập trung đồ đạc vào một chiếc ba lô để một người mang

3. Lúc nghỉ dừng chân, Bác phát hiện ra điều gì?

- a. Ba lô của Bác không có gì.
- b. Ba lô của Bác nhẹ nhất, chỉ có chăn màn.
- c. Ba lô của Bác nặng nhất.

4. Cuối cùng, hai đồng chí phải làm gì?

- san đều đồ đạc vào ba chiếc ba lô
- chia lại đồ đạc để ba lô của Bác nặng nhất
- bỏ bớt đồ đạc trong ba lô của mình ở lại

5. Câu nói “Chỉ có lao động thật sự mới đem lại hạnh phúc cho con người.” cho thấy điều gì ở Bác?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

II. Bài tập

Bài 1. Điền **tr** hoặc **ch** vào chỗ trống:

“Ông sao thì bé

Cuội ngồi gốc đa

_____ ăng rằm _____ òn to

Phải _____ ần _____ ầu mãi.”

Bài 2. Tìm từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu sau:

- Bác Hồ là vị _____ vĩ đại của nhân dân Việt Nam.
- Bác Hồ rất _____ thiếu nhi.
- Cuộc sống của Bác Hồ rất _____.

Bài 3. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong các câu sau:

- Vì sợ Bác mệt, hai đồng chí định mang hộ ba lô cho Bác.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

- Chúng ta cần chăm chỉ lao động để có được hạnh phúc chân chính.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 4. Viết đoạn văn khoảng 6 câu tả một loài cây cho bóng mát.

TUẦN 32: NHÂN DÂN

TẬP ĐỌC

“Chuyện quả bầu” (Theo Truyện cổ Khơ-mú)

“Tiếng chổi tre” (Tổ Hữu)

KỂ CHUYỆN

“Chuyện quả bầu”

CHÍNH TẢ

Phân biệt **l/n, v/d, it/ich**

Bài 1. Điền **l** hoặc **n** vào chỗ trống:

a. Người có chí thì _____ ên, nhà có _____ ên thì vững.

b. _____ ời _____ ói chẳng mất tiền mua
_____ ựa _____ ời mà _____ ói cho vừa lòng nhau.

c. Đêm tháng _____ ăm chưa _____ ăm đã sáng
Ngày tháng mười chưa cười đã tối.

d. _____ ên _____ on mới biết _____ on cao,
_____ uôi con mới biết công _____ ao mẹ thấy.

Bài 2. Điền **v** hoặc **d** vào chỗ trống:

_____ ân tộc _____ ù _____ ắt _____ âng lời _____ ạn _____ ò
_____ iệu kì đường _____ òng _____ ương _____ ải _____ ắng _____ ẻ

Bài 3. Điền **it** hoặc **ich** vào chỗ trống (thêm dấu thanh nếu cần):

- Chim ch_____ là một loài chim nhỏ, thường ăn sâu bọ.
- Ngoài đường, xe cộ đi lại đông nghìn ngh_____.
- Đội tuyển bóng đá U23 Việt Nam đã lập nên kì t_____ vang dội.
- Mùa hè đến, những quả m_____ bắt đầu chín thơm lừng.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Từ trái nghĩa

I. Kiến thức

Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau.

Ví dụ: “to” – “nhỏ”; “cao” – “thấp”...

II. Bài tập

Bài 1. Gạch dưới cặp từ trái nghĩa trong các thành ngữ, tục ngữ sau:

- Tuổi nhỏ chí lớn.
- Cửa ít lòng nhiều.
- Gạn đục khơi trong.
- Chân cứng đá mềm.
- Xấu người đẹp nết.
- Làng trên xóm dưới.

Bài 2. Tìm từ trái nghĩa với các từ sau:

- nhanh nhẹn: _____
- khoẻ mạnh: _____
- bận rộn: _____
- rộng rãi: _____
- bằng phẳng: _____
- sạch sẽ: _____

Bài 3. Tìm và điền vào chỗ trống từ trái nghĩa với từ được gạch dưới:

- Đi hỏi già, về nhà hỏi _____.
- Một miếng khi _____ bằng một gói khi no.
- Chuẩn chuẩn bay _____ thì mưa, bay cao thì nắng, bay vừa thì râm.
- Bán anh em xa, mua láng giềng _____.

Bài 4. Chọn cặp từ trái nghĩa thích hợp để điền vào chỗ trống:

(dễ – khó, đoàn kết – chia rẽ, chết – sống, lạ – quen)

- a. _____ là sống, _____ là chết.
- b. _____ vinh còn hơn _____ nhục.
- c. Trước _____ sau _____.
- d. Nói thì _____, làm thì _____.

Bài 5. Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào () trong đoạn trích:

Việt Nam có 54 dân tộc cùng chung sống () gắn bó với nhau trong suốt quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước () Mỗi dân tộc có những nét văn hóa riêng () thể hiện trong ngôn ngữ () trang phục () phong tục tập quán của mỗi dân tộc () Điều đó làm cho nền văn hóa Việt Nam thêm phong phú () giàu bản sắc ()

TẬP LÀM VĂN Đáp lời từ chối

Đọc sổ liên lạc

- Nếu người nói đưa ra yêu cầu mà người nghe không đáp ứng được thì người nghe có thể từ chối một cách lịch sự.
- Đáp lại lời từ chối đó, người nói có thể tiếp tục bày tỏ mong muốn người nghe sẽ thực hiện yêu cầu của mình hoặc đáp lại một cách lịch sự, vui vẻ lời từ chối của người nghe.

PHIẾU CUỐI TUẦN 32

Bài 1. Đọc đoạn trích và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Gặt lúa

“Những bông lúa vàng mới cắt xong đều xếp rải rác từng hàng trên bờ ruộng, nổi bật giữa đám cỏ xanh mọc dày. Mỗi khi gặt được vài lượm lúa, người thợ hái ôm sát bó lúa thơm vào người, đem ra xếp vào chỗ lúa trước. Rồi họ lại trở vào ruộng lúa đứng theo hàng với những người bạn gặt. Tiếng hái cứa vào gốc lúa xoàn xoạt như tiếng trâu bò ăn cỏ.

Mọi người vừa gặt vừa nói chuyện rôm rả. Chăm chú vào công việc làm, Tân không để ý gì đến cảnh vật chung quanh. Anh cũng không thấy mệt nữa mặc dù ánh nắng chiếu trên lưng nóng rát và mồ hôi đổ từng giọt ở trên trán xuống. Tân chú ý đưa cái liềm hái cho nhanh nhẹn. Mỗi lần bông lúa rung động chạm vào người, mùi lúa chín thơm đó làm cho lòng anh càng say sưa hơn.

Cánh đồng lúa chín loé vàng dưới mặt trời buổi trưa. Từng chỗ, ở thửa ruộng nào đã gặt rồi, gốc rạ lấp lánh như dát bạc. Phía xa, làng mạc ở chân trời rung động trong ánh nắng.”

(Theo Thạch Lam)

1. Đoạn trích trên miêu tả cảnh gì?

- a. cảnh cấy lúa trên cánh đồng
- b. cảnh gặt lúa trên cánh đồng
- c. cảnh gặt lúa trên nương

2. Trong khung cảnh lao động có những âm thanh nào?

- a. tiếng người trò chuyện rôm rả, tiếng trâu bò ăn cỏ xoàn xoạt
- b. tiếng hái cứa vào gốc lúa xoàn xoạt, tiếng người trò chuyện rôm rả
- c. tiếng người trò chuyện rôm rả, tiếng gió thổi xào xạc

3. Vì sao Tân không thấy mệt mặc dù ánh nắng chiếu trên lưng nóng rát và mồ hôi đổ từng giọt trên trán xuống?

- a. Vì Tân vừa làm vừa nói chuyện rôm rả với mọi người, quên đi hết mệt nhọc.
- b. Vì Tân phấn khởi khi thấy công việc đã gần xong.
- c. Vì Tân chăm chú vào việc làm, mùi lúa chín thơm khiến lòng anh say sưa hơn và quên đi hết mệt nhọc.

4. Theo em, nội dung của đoạn trích trên là gì?

- a. vẻ đẹp của cánh đồng mùa gặt
- b. niềm vui, hạnh phúc trong lao động của người nông dân
- c. cả a và b đều đúng

Bài 2. Gạch dưới cặp từ trái nghĩa có trong mỗi câu dưới đây:

- a. Bài hát gửi gắm thông điệp về một thế giới không có chiến tranh, yêu chuộng hoà bình.
- b. Thời tiết mùa hè thường nóng bức, còn mùa đông lại lạnh giá.
- c. Những cây mùng tơi trước đây còi cọc, giờ đã ra bao nhiêu ngọn mập mạp.
- d. Ấm áp trong chiếc áo len dày, em nghĩ thương các bạn nhỏ vùng cao chỉ có một tấm áo mỏng khi đến lớp học ngày đông.

Bài 3. Tìm từ trái nghĩa với các từ sau:

- | | | |
|-------------------|-----------------|-------------------|
| ngắn: _____ | cao lớn: _____ | vui vẻ: _____ |
| hiền lành: _____ | mềm mại: _____ | đầu tiên: _____ |
| gan dạ: _____ | chăm chỉ: _____ | thông minh: _____ |
| sung sướng: _____ | chìm: _____ | nông: _____ |

Bài 4. Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào () trong đoạn trích sau và viết hoa chữ đầu câu:

Muốn có thu hoạch () người nông dân phải làm rất nhiều việc () họ phải cày bừa () gieo hạt và耨 mầm () công việc trồng trọt trải qua bao nhiêu mưa nắng () hạn hán () họ phải đổ mồ hôi chăm sóc vườn cây () ruộng đồng () nhờ thế mà cây lớn dần () ra hoa kết trái.

Bài 5. Tìm 3 thành ngữ, tục ngữ có sử dụng cặp từ trái nghĩa. Gạch dưới cặp từ trái nghĩa trong các thành ngữ, tục ngữ đó.

TUẦN 33: NHÂN DÂN

TẬP ĐỌC

“Bóp nát quả cam” (Theo Nguyễn Huy Tưởng)

“Lượm” (Tố Hữu)

KỂ CHUYỆN

“Bóp nát quả cam”

CHÍNH TẢ

Phân biệt **s/x**, **i/iê**

Bài 1. Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

a. súc hoặc xúc

- Em bé đã biết dùng thìa _____ cơm ăn.
- Người ta thường _____ miệng bằng nước muối.

b. sương hoặc xương:

- Sáng sớm, những giọt _____ đọng long lanh trên cỏ.
- Cây _____ rỗng có thể sống được ở sa mạc.

c. sói hoặc xói

- Chó _____ là loài thú hung dữ.
- Trồng cây ở đồi trọc để chống _____ mòn.

Bài 2. Chọn từ trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống:

- (tin, tiên): báo _____, đầu _____, _____ tường, _____ tiến
- (chín, chiến): _____ đấu, số _____, cơm _____, _____ thắng
- (tim, tiêm): trái _____, _____ phòng, _____ tím, kim _____
- (kín, kiến): ý _____, _____ trúc, _____ đảo, _____ mít

Bài 3. Điền **s** hoặc **x** vào chỗ trống:

a. “Mẹ bỗng hỏi “bác ___ĩ”:

- ___ ổ mũi, uống thuốc gì?

“Bác ___ĩ” chùng hiểu ý:

- Uống ___ũa với bánh mì!”

(Theo Lê Ngân)

b. “Trên dòng ___ông trắng

Cầu mới dựng lên

Nhân dân đi bên

Tàu ___e chạy giữa

Tu tu ___e lửa

___ình ___ịch qua cầu.”

(Theo Thái Hoàng Linh)

- c. “Nhỏ ___inh một ___ợi mỏng manh
 ___âu kim, ___ếp vải, khâu thành áo luôn.
 Ngược ___uôi trăm nẻo chẳng buồn
 Giúp người mặc đẹp, tôi luôn ẩn mình.”

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ: Từ ngữ chỉ nghề nghiệp

Bài 1. Tìm 3 từ chỉ nghề nghiệp:

a. có tiếng “viên”:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. có tiếng “thợ”:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. có tiếng “sĩ”:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 2. Dùng câu kiểu “Ai là gì?” để giới thiệu về nghề nghiệp của các nhân vật trong những bức tranh sau:



(a) chú Sơn



(b) bác Việt



(c) anh Nam



(d) cô Hà

Bài 3. Nối từ ngữ ở cột A với cột B cho thích hợp để tạo câu hoàn chỉnh:

A
1. Giáo viên
2. Công nhân xây dựng
3. Nha sĩ
4. Kỹ sư cầu đường

B
a. là người thi công xây dựng ra nhà cửa, cầu cống.
b. là người chăm sóc, khám và chữa bệnh răng miệng cho mọi người.
c. là người chuyên thiết kế và xây dựng cầu đường.
d. là người dạy dỗ, truyền đạt kiến thức cho học sinh.

Bài 4. Viết lời giải các câu đố sau:

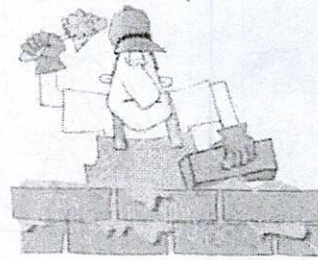
- a. “Nghề gì chăm sóc bệnh nhân
Cho ta khoẻ mạnh, vui chơi học hành?”

Là nghề: _____



- b. “Nghề gì bạn với vữa vôi
Xây nhà cao đẹp, bạn, tôi đều cần?”

Là nghề: _____



TẬP LÀM VĂN Đáp lời an ủi

Kể chuyện được chứng kiến

I. Kiến thức

Khi ta gặp chuyện không như ý, được người thân và bạn bè an ủi. Ta cần đáp lại lời an ủi đó một cách lịch sự.

II. Bài tập

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước lời đáp lịch sự trong những tình huống sau:

- a. – Minh ơi, mình để quên thước kẻ ở nhà.
 – Tiếc quá! Hôm nay tớ cũng không mang thước.
- a₁. Sao chán thế.
 a₂. Thế thì còn nói làm gì, tớ mượn bạn khác vậy.
 a₃. Thế à? Không sao đâu, để tớ hỏi mượn bạn khác vậy.
- b. – A lô! Hoà à, cậu có bận không, sang đây chơi với tớ!
 – Bây giờ thì không được, tớ đang chuẩn bị sang nhà bà ngoại với mẹ.
- b₁. Thế à, chán nhỉ!
 b₂. Vậy à? Thế thì khi nào về, cậu sang chơi với tớ nhé!
 b₃. Thôi, tớ cũng chẳng cần cậu. Để tớ gọi Hồng vậy.
- c. – Mẹ ơi! Hôm nay sinh nhật bạn Đào lớp con. Mẹ cho con đi dự nhé!
 – Con còn ở nhà học bài!
- c₁. Mẹ lúc nào cũng “học bài, học bài”. Thế không chúc mừng bạn ấy à?
 c₂. Mẹ ơi! Đào là bạn thân của con, con không đi thì bạn ấy buồn lắm. Mẹ cho con đi nhé, con sẽ về sớm và làm bài đầy đủ. Con xin hứa!
 c₃. Mẹ không cho con đi, con ngồi ở nhà cũng chẳng học được.

Bài 2. Viết đoạn văn khoảng 6 câu kể một việc em đã làm để giúp đỡ bạn.

PHIẾU CUỐI TUẦN 33

Bài 1. Đọc đoạn trích sau rồi khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Công nhân sửa đường

“Bác Tâm, mẹ của Thư, đang chăm chú làm việc. Bác đi một đôi găng tay bằng vải rất dày. Vì thế, tay bác y như tay một người khổng lồ. Bác đội nón, khăn trùm gần kín mặt, chỉ để hở mỗi cái mũi và đôi mắt. Tay phải bác cầm một chiếc búa. Tay trái bác xếp rất khéo những viên đá bọc nhựa đường đen nhánh vào chỗ trống. Bác đập búa đều đều xuống những viên đá để chúng ken chắc vào nhau. Hai tay bác đưa lên hạ xuống nhịp nhàng. Dường như bác đang làm một việc gì đấy rất nhẹ nhàng chứ không phải là công việc vá đường vất vả kia. Chỉ có mảnh áo ướt đẫm mồ hôi ở lưng bác là cứ loang ra mãi.

Mảnh đường hình nhữ nhật đen nhánh hiện lên, thay thế cho cái ổ gà quái ác lúc trước. Thư say sưa ngắm miếng vá hình chữ nhật, thơm mùi nhựa đường hăng hắc ấy, rồi ôm cổ mẹ:

- Đẹp quá! Mẹ vá đường cũng khéo như vá áo ấy!

Bác Tâm đứng lên, vươn vai mấy cái liễn. Bác nhéo mắt nhìn mặt đường. Nâng chổi chang. Một nụ cười làm rạng rỡ khuôn mặt bác.”

(Theo Nguyễn Thị Xuyên)

1. Bác Tâm, mẹ của Thư làm nghề gì?
a. thợ xây b. công nhân sửa đường c. công nhân may mặc
2. Vì sao tay bác y như tay một người khổng lồ?
a. Vì tay bác phải làm việc nhiều nên to ra.
b. Vì tay bác bị sưng to.
c. Vì bác đi một đôi găng tay bằng vải rất dày.
3. Động tác đập búa của bác Tâm thế nào?
a. đều đều, đưa lên hạ xuống nhịp nhàng
b. nhẹ nhàng, khéo léo
c. liên hồi, nhanh thoăn thoắt
4. Chi tiết nào cho thấy công việc vá đường mà bác Tâm làm là công việc rất vất vả?
a. Tay phải bác cầm một chiếc búa.
b. Mảnh áo ướt đẫm mồ hôi ở lưng bác cứ loang ra mãi.
c. Bác Tâm đứng lên, vươn vai mấy cái liễn.
5. Thư thấy mẹ vá đường như thế nào?
a. khéo như may áo b. khéo như thêu áo c. khéo như vá áo

Bài 2. Tìm các từ ngữ chỉ nghề nghiệp có chứa tiếng “nhà” và đặt câu với hai từ.

Bài 3. Gạch dưới những từ **không** chỉ nghề nghiệp trong mỗi dãy từ sau:

- a. thợ nề, thợ xây, xây nhà, thợ khoá, giáo viên
- b. đầu bếp, lao công, lao động, nhà báo, nhà thơ
- c. diễn viên, đạo diễn, ca sĩ, anh dũng, phi công
- d. cần cù, thợ may, thợ thủ công, nhà văn, bác sĩ

Bài 4. Nghề nghiệp nào được nhắc tới trong mỗi đoạn thơ sau?

a. “Mặc áo màu lửa

Kêu vang trên đường

Khấn trương dũng cảm

Coi thường hiểm nguy.”

Là nghề: _____

b. “Từ bùn đất sét

Qua bàn tay cha

Qua bàn tay mẹ

Thành cái bát hoa.”

Là nghề: _____

Bài 5. Ước mơ về nghề nghiệp trong tương lai của em là gì? Hãy nói về nghề nghiệp mà em mong muốn bằng một đoạn văn khoảng 5 câu.

TUẦN 34: NHÂN DÂN

TẬP ĐỌC

“Người làm đồ chơi” (Theo Xuân Quỳnh)

“Đàn bê của anh Hồ Giáo” (Theo Phượng Vũ)

KỂ CHUYỆN

“Người làm đồ chơi”

CHÍNH TẢ

Phân biệt **tr/ch**, **ô/o**, **dấu hỏi/dấu ngã**

Bài 1. Điền **ong** hoặc **ông** vào chỗ trống (thêm dấu thanh nếu cần):

- v_____ tròn

- tr_____ trượt

- màu h_____

- cái tr_____

- căn ph_____

- m_____ tay

Bài 2. Điền **ch** hoặc **tr** vào chỗ trống:

“Ông _____ ăng _____ òn sáng quá

Biết ở _____ ên _____ ời cao

Chị Hằng dịu hiền sao

_____ ong _____ ăng còn _____ ú Cuội

Ông và chị là một

_____ ắc một mình buồn rười

Nên gọi như thế nào?

Tự thêm người cho vui.”

(Theo Phùng Ngọc Hùng)

Bài 3. Tìm từ có tiếng bắt đầu bằng **tr** hoặc **ch** có nghĩa như sau:

a. Một loài động vật thân mềm, có vỏ cứng gồm hai mảnh, sống ở đáy nước, một số loài có thể tạo ra ngọc hoặc vỏ có vân đẹp dùng làm đồ mỹ nghệ.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Đồ dùng bằng vải, len, dạ,... được may, dệt thành tấm để đắp cho ấm.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Loài rắn lớn sống ở rừng nhiệt đới, không có nọc độc, còn di tích chân sau, có thể bắt ăn cả những con thú khá lớn.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Đồ đựng bằng thủy tinh hoặc nhựa, cổ nhỏ và dài, thường dùng để đựng chất lỏng.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 4. Tìm từ có tiếng chứa vần **ong** hoặc **ông** có nghĩa như sau:

a. Côn trùng cánh màng, có ngòi đốt ở đuôi, thường sống thành đàn, một số loài hút mật hoa để làm mật.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Loài chim cùng họ với gà, có lông đuôi dài và nhiều màu sắc, xoè múa rất đẹp.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Hiện tượng mặt nước dao động, dâng lên, hạ xuống trông như đang di chuyển, chủ yếu do gió gây ra.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 5. Điền vào chỗ trống cho thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần) rồi giải đố:

a. **tr** hoặc **ch**:

“Con gì áo giáp ___e thân
 ___ỉ hay e thẹn, đầu ___ân thụt thò
 Thể thao nếu có môn bò
 Cúp vàng “ ___ay ___ậm”, hấn mò được ngay.”
 Là con _____

b. **ong** hoặc **ông**:

“Con gì vừa mới ra đời
 Đã s___ xa mẹ mà xuôi theo d___
 Quanh năm ngày tháng ruỗi r___
 Đi xuôi thì có, ngược kh___ bao giờ?”
 Là con _____

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ: Từ ngữ chỉ nghề nghiệp

Từ trái nghĩa

Mở rộng vốn từ: Từ ngữ chỉ nghề nghiệp

Bài 1. Giải các câu đố sau:

a. “Nghề gì chăm sóc bệnh nhân
 Cho ta khoẻ mạnh, vui chơi học hành?”
 Giải đố: _____

- b. "Tay cầm cái chổi
Chăm chỉ miệt mài
Quét dọn hằng ngày
Phố phường sạch sẽ
Người đó là ai?"

Giải đố: _____

- c. "Bao nhiêu nhà cửa trên đời
Thợ gì đã đổ mồ hôi làm thành?"

Giải đố: _____

Bài 2. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống:
(thợ mỏ, cô nuôi, thợ hàn, thầy thuốc, thợ nề)

"Bé chơi làm _____

Xây nên bao nhà cửa.

Bé chơi làm _____

Đào lên thật nhiều than.

Bé chơi làm _____

Chữa bệnh cho mọi người.

Bé chơi làm _____

Xúc cơm cho cháu bé."

(Theo Yên Thao)

Từ trái nghĩa

Bài 1. Tìm từ trái nghĩa với các từ sau:

- sáng: _____

- chậm: _____

- cũ: _____

- đậm: _____

- buồn: _____

- héo: _____

- giàu: _____

- ồn ào: _____

- hèn nhát: _____

- thật thà: _____

- đầy đủ: _____

- dễ dàng: _____

- đen đủi: _____

- lỏng lẻo: _____

Bài 2. Gạch dưới cặp từ trái nghĩa trong các thành ngữ, tục ngữ sau:

- Lá lành đùm lá rách.

- Kính trên nhường dưới.

- Gần nhà xa ngõ.

- Ba chìm bảy nổi.

- Nhìn trước ngó sau.

- Mắt nhắm mắt mở.

Bài 3. Tìm từ trái nghĩa với các từ được gạch dưới và điền vào chỗ trống:

- Áo rách _____ vá hơn lành vụng may.
- _____ là mẹ thành công.
- Ăn cỗ đi trước, lội nước theo _____.
- Đi _____ về muộn.
- Bóc _____ cẩn dãi.
- _____ trước sướng sau.

TẬP LÀM VĂN Kể ngắn về người thân

I. Kiến thức

Gợi ý kể ngắn về người thân:

- Người thân em muốn kể là ai? Ngoại hình, tính cách thế nào? Người đó làm nghề gì?
- Hằng ngày, người đó thường làm những công việc gì? Những việc đó có ích như thế nào?
- Tình cảm của em đối với người đó như thế nào?

II. Bài tập

Viết đoạn văn từ 6 đến 8 câu kể về một người thân trong gia đình em.

PHIẾU CUỐI TUẦN 34

Bài 1. Đọc câu chuyện sau rồi khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Cậu bé đứng ngoài lớp học

"Vũ Duệ là con nhà nghèo, hằng ngày phải trông em để cha mẹ đi làm đồng. Không được đến trường nhưng cậu rất ham học. Ngày ngày, Duệ cũng em đứng ngoài lớp học chăm chú nghe thầy giảng.

Một hôm, thầy giáo nêu câu hỏi khó, không trò nào trả lời được. Thấy cậu bé đứng ngoài cửa lớp mấp máy môi như là muốn nói, thầy gọi cậu vào. Duệ trả lời rất trôi chảy. Câu trả lời của cậu khiến thầy rất hài lòng, các trò trong lớp cũng tán phục. Thấy Duệ ham học và sáng dạ, thầy đến nhà Duệ, khuyên cha mẹ Duệ cho cậu đi học. Đến lớp vài tháng, Duệ đã đứng đầu lớp.

Về sau, Vũ Duệ đỗ trạng nguyên, làm quan thời Lê, nổi tiếng là vị quan tài năng, trung nghĩa."

(Theo Bùi Nguyên Khiết)

1. Vì sao Vũ Duệ không được đến trường?

- a. Vì cậu lười học. b. Vì nhà cậu nghèo. c. Vì cậu bị phạt.

2. Không được đến trường, Vũ Duệ đã làm gì?

- a. đứng ngoài lớp học nghe thầy giảng
b. tự học ở nhà
c. đi chơi cùng bọn trẻ trong làng

3. Thầy giáo đến nhà Vũ Duệ để làm gì?

- a. để thăm bố mẹ Duệ
b. để khuyên cha mẹ Duệ cho cậu đi học
c. để đề nghị Duệ không đến lớp nghe lỏm nữa

4. Vũ Duệ là cậu bé thế nào?

- a. chăm chỉ, tốt bụng b. nhanh nhẹn, dũng cảm c. ham học, thông minh

5. Cặp từ nào dưới đây là cặp từ trái nghĩa có trong câu chuyện?

- a. trong - ngoài b. chăm chú - trôi chảy c. giảng - khuyên

Bài 2. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống:

(gần, đen, hiện, trắng, ẩn, xa)

“Sao ngọn lửa đỏ thế

Còn nước lại không màu

Lông quạ _____ quá thể

Còn cánh cò _____ phau?

Gió thổi _____ thổi _____

Thổi động rừng động biển

Thoắt _____ và thoắt _____

Ai thấy mặt bao giờ?”

(Theo Đặng Huy Giang)

Bài 3. Điền vào chỗ trống từ trái nghĩa với từ được gạch dưới:

Đựng trong chậu mềm (_____)

Rửa bàn tay sạch quá (_____)

Vào tủ lạnh hoá đá (_____)

Rắn như đá ngoài đường (_____)

Sùng sục trên bếp đun (_____)

Nào tránh xa kéo bông (_____)

Bay hơi là nhẹ lắm (_____)

Lên cao làm mây trôi (_____)

(Theo Vương Trọng)

Bài 4. Tìm từ chỉ nghề nghiệp để điền vào chỗ trống trong truyện cười sau:

“Hai cậu bé 5 tuổi nói chuyện với nhau. Cậu bé thứ nhất hỏi:

- Bố cậu làm nghề gì?

Cậu kia đáp:

- Bố tớ là _____. Bố tớ dạy học.

- Bố cậu dạy học mà sao cậu không biết đọc?

- Còn bố cậu làm gì?

- Bố tớ là _____. Bố tớ trồng răng.

- Lạ thật! Bố cậu trồng răng mà tại sao em của cậu không có răng vậy?”

Bài 5. Viết tên các nghề nghiệp được thể hiện trong các hình sau:



LUYỆN TẬP CHUNG (SỐ 6)

Bài 1. Điền **tr** hoặc **ch** vào chỗ trống:

"Như ___ im gõ kiến

Quần áo ___ ú xanh

Bám dọc thân ___ e

___ ời không xanh thẽ

Ổ ___ ú thợ điện

Bàn tay ___ ú khoẻ

Đu mình tài ghê!

Bóp cong gọng kìm."

(Theo Vương Trọng)

Bài 2. Điền **ong** hoặc **ông** vào chỗ trống (thêm dấu thanh nếu cần):

"Từ trên cao nhìn xuống, vịnh Hạ Long như một bức tranh kh_____ lồ với những hòn đảo b_____ bẽnh giữa mặt biển xanh. Có đảo gi_____ như một con r_____ đang bay lượn trên mặt nước. Tr_____ lòng mỗi đảo là những hang đ_____ tuyệt đẹp."

Bài 3. Điền dấu hỏi hoặc dấu ngã thích hợp vào những chữ được in đậm:

"Chuông báo cháy vang lên. **Nhưng** người lính cứu **hoa** lập tức mặc quần áo **chưa** cháy, đi **ung**, đeo găng, đội **mu** rồi lao ra xe. **Nhưng** chiếc xe cứu **hoa** màu **đỏ** chứa đầy nước, bật đèn báo hiệu, rú còi chạy như bay đến nơi có cháy."

(Theo Hồng Vân)

Bài 4. Gạch dưới các cặp từ trái nghĩa trong những đoạn thơ sau:

- a. "Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay
Ra sông nhớ suối, có ngày nhớ đêm.
... Đồi ta gương vỡ lại lành
Cây khô cây lại đâm cành nở hoa."

(Theo Tố Hữu)

- b. "Nơi hăm tối lại là nơi sáng nhất
Nơi con nhìn ra sức mạnh Việt Nam."

(Theo Dương Hương Ly)

Bài 5. Đọc đoạn trích sau rồi khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

"Đứng sừng sững, uy nghi ngay bên đường Điện Biên Phủ, thuộc quận Ba Đình (Hà Nội) là Kì đài Hà Nội, hay còn gọi là Cột cờ Hà Nội. Kiến trúc Cột cờ gồm ba cấp đế và một thân cột, cao hơn 41 mét. Nhìn tổng thể, Cột cờ gồm những khối lăng trụ xếp chồng nhau, thu nhỏ và cao dần từ dưới lên trên."

Ở mỗi cấp, tường xây được trang trí bằng những hoa văn khác nhau. Đáng chú ý là cấp thứ ba bố trí bốn cửa theo hướng Đông, Tây, Nam, Bắc. Trừ cửa hướng Bắc, các cửa khác đều có tên riêng: cửa hướng Đông tên là Nghênh Húc, có ý nghĩa "đón ánh sáng ban mai"; cửa hướng Tây tên là Hồi Quang, nghĩa là "ánh sáng phản chiếu"; cửa hướng Nam tên là Hướng Minh, nghĩa là "hướng về ánh sáng".

Cột cờ Hà Nội mãi mãi là biểu tượng vinh quang, là niềm tự hào của dân tộc, đất nước Việt Nam độc lập, tự do."

(Sưu tầm)

1. Cột cờ Hà Nội nằm ở đâu ?

- a. phố Tôn Đức Thắng, thuộc quận Đống Đa (Hà Nội)
- b. phố Đinh Tiên Hoàng, thuộc quận Hoàn Kiếm (Hà Nội)
- c. đường Điện Biên Phủ, thuộc quận Ba Đình (Hà Nội)

2. Kiến trúc Cột cờ Hà Nội có đặc điểm gì?

- a. gồm ba cấp đế và một thân cột, cao hơn 41 mét
- b. gồm một đài hình vuông, mái cong dựng trên một trụ đá
- c. được cấu tạo thành một lầu hình bát giác, có tám cửa tương ứng tám mặt

3. Trong bốn cửa của Cột cờ Hà Nội, cửa hướng nào không có tên?

- a. cửa hướng Nam
- b. cửa hướng Bắc
- c. cửa hướng Tây

4. Cột cờ Hà Nội có ý nghĩa như thế nào với dân tộc, đất nước Việt Nam?

- a. là biểu tượng vinh quang của dân tộc, đất nước Việt Nam độc lập, tự do
- b. là niềm tự hào của dân tộc, đất nước Việt Nam độc lập, tự do
- c. cả a và b đều đúng

5. Tìm từ trái nghĩa với từ in đậm trong câu sau và đặt câu với từ vừa tìm được:

"Nhìn tổng thể, Cột cờ gồm những khối lăng trụ xếp chồng nhau, thu nhỏ và **cao** dần từ dưới lên trên."

II. Bài tập

Bài 1. Gạch dưới các từ chỉ công việc của giáo viên trong các câu sau:

- Cô Tâm dạy học ở một trường tiểu học.
- Cô Tâm phải soạn bài vào mỗi buổi tối.
- Cô Tâm thường giảng bài, chấm bài và chữa bài cho học sinh.

Bài 2. Gạch dưới các cặp từ trái nghĩa trong các câu sau:

- Xuân sang, cành trên cành dưới chi chít những lộc non mơn mớn.
- Thân cây sấu riêng khẳng khiu, cao vút, cành ngang thẳng đuột mà không cong queo như cành cây xoài, cây nhãn.
- Loại quả này lúc còn xanh thì rất chát nhưng khi chín lại giòn và ngọt.
- Hoa tỉ muội kết thành chùm, bông hoa lớn che chở cho nụ hoa nhỏ.

Bài 3. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được gạch dưới:

- Những hôm mưa phùn gió bắc, trời rét công tay.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

- Nước chảy róc rách trong khe núi.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

- Sóng vỗ ri rào.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

- Biển là món quà kì diệu mà thiên nhiên ban tặng cho con người.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

- Hỏi ở chiến khu Việt Bắc, sáng nào Bác cũng dậy sớm để tập chạy và leo núi.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

TUẦN 35: ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

TỔNG HỢP KIẾN THỨC

- Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng. Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của những câu thơ, đoạn thơ tiêu biểu.
- Chính tả.
- Luyện từ: Từ trái nghĩa. Mở rộng vốn từ theo chủ điểm tuần.
- Luyện câu: Các dấu câu. Các câu hỏi "Khi nào?", "Ở đâu?", "Như thế nào?", "Vì sao?", "Để làm gì?".
- Tập làm văn: Tả ngắn về cây cối, tả ngắn về Bác Hồ, kể ngắn về người thân, kể chuyện được chứng kiến.

LUYỆN TẬP

Bài 1. Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Loài chim học làm tổ

"Một lần, Phượng Hoàng, nhà thông thái nhất trong các loài chim, mở lớp học về cách làm tổ.

Phượng Hoàng mở đầu:

- Việc làm tổ không phải là chuyện dễ dàng...

Gà mới nghe thế đã bắt đầu gật gà gật gù, sau đó ngủ khò khò luôn. Cú nghĩ cái anh chàng đẹp mã này thì dạy nổi ai việc gì nên cười rộ lên khinh bỉ rồi bay đi.

Phượng Hoàng lại tiếp tục:

- Trước hết phải tìm trên cây chỗ nào có chạc ba...

Nghe đến đấy Quạ chen vào:

- Nhưng tốt nhất không nên làm tổ trên cây mà làm tổ ngay dưới mái nhà...

Rồi Quạ vỗ cánh bay ra ngoài. Phượng Hoàng vẫn tiếp tục:

- Sau đó lấy mỏ quặp những cành khoẻ, uốn cong lại, đan thành một cái khung...

- Cái đó thì ai chả biết. - Sẻ làu bàu rồi bay đi.

- Sau khi bện xong khung, rải bên trong một ít rơm rác mịn, sạch.

- Cảm ơn bác Phượng Hoàng. - Én cúi đầu chào rồi bay lên trời xanh.

Nhờ học hành chăm chỉ, về sau Én trở thành loài xây tổ đẹp nhất. Gà thì chả nhớ gì nên loài người phải làm tổ sẵn cho. Cú không học nên không biết cách làm tổ, phải sống nhờ những hốc cây tằm tối. Quạ không nghe giảng đến đâu đến cuối nên tổ của nó xấu xí, luộm thuộm. Ta thường nói “đầu bù như tổ quạ” là như vậy.”

(Theo Truyện cổ tích Ấn Độ)

1. Bài giảng về cách làm tổ của Phượng Hoàng như thế nào?

- a. chính xác, từng bước mạch lạc, dễ học
- b. dài dòng, rắc rối, rất khó học
- c. không đúng phương pháp làm tổ

2. Ghi lại tóm tắt thái độ học tập của các loài chim và kết quả:

Loài chim	Thái độ học tập	Kết quả
Én	_____	_____
Gà	_____	_____
Cú	_____	_____
Quạ	_____	_____

Bài 2. Gạch dưới những chữ viết sai chính tả trong đoạn trích sau và sửa lại:

Hội đua thuyền

"Mặt xông vắn bập bênh xóng võ. Đến rờ đua, lệnh phát da bằng ba hồi trống đồng dục. Bốn chiếc thuyền đang dập rãnh chên mặt nước lập tức lao lên phía trước. Bên bờ sông, chổng thúc tiếp, người ta la hét, cổ vũ. Các em nhỏ được bố công cênh trên vai cũng hò gieo vui mừng. Bốn chiếc thuyền như bốn con rồng vươn dài, vút đi trên mặt nước mênh mông."

ĐỀ THAM KHẢO

Bài 1. Đọc câu chuyện dưới đây và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Hoa râm bụt

“Trong vườn, muôn hoa đua nở, nhưng chẳng ai để ý đến hoa râm bụt. Râm bụt đứng khiêm nhường ở ven ao. Hoa râm bụt đẹp giản dị, nhụy dài và cong như cái cần câu nhỏ xíu, thỉnh thoảng đung đưa đùa vui cùng mấy chú ếch.

Cắm chướng, huệ và hồng nhưng thấy râm bụt thì coi thường. Một hôm, các loài hoa này nói với chủ vườn:

– Chị ơi, chúng em tô điểm cho vườn của chị đẹp lộng lẫy, toả ngát hương thơm. Còn râm bụt chẳng có sắc hương, vậy mà chị trông lẫn với chúng em.

Chủ vườn nghe vậy bèn chặt hết râm bụt. Vắng hàng râm bụt, gió tự do hoành hành. Hấn xô đẩy, đùa giỡn làm các loài hoa ngã nghiêng, run rẩy. Đến lúc này, các loài hoa mới hiểu: nếu có rặng râm bụt che chắn thì gió đâu có thể dập vùi hoa lá xác xơ.

Những gốc râm bụt còn sót lại nghe các loài hoa than thở thì động lòng. Chúng cố đâm chồi lên mặt đất, ken dần thành rặng, trở muôn vàn búp non tươi, rồi một sớm mai lại nở bung những cánh hoa hoà cùng các bạn hoa trong vườn.”

(Sưu tầm)

1. Câu chuyện trên nhắc đến những loài hoa nào?

- a. hoa râm bụt, hoa huệ, hoa cắm chướng, hoa cúc
- b. hoa râm bụt, hoa huệ, hoa hồng nhung, hoa cắm chướng
- c. hoa cắm chướng, hoa hồng nhung, hoa râm bụt, hoa lan

2. Vì sao chị chủ vườn chặt hết rặng râm bụt?

- a. Vì hoa râm bụt bị héo, không đẹp.
- b. Vì hoa râm bụt làm xấu cả vườn hoa.
- c. Vì chị chủ vườn thấy các loài hoa khác chê hoa râm bụt.

3. Điều gì đã xảy khi trong vườn không còn cây hoa râm bụt nữa?

- a. Gió xô đẩy làm các loài hoa khác ngã nghiêng, run rẩy và xác xơ.
- b. Vườn hoa trở nên lộng lẫy và đẹp hơn.
- c. Các loài hoa khác bị nắng chiếu nên héo úa, xác xơ.

4. Câu chuyện muốn nói lên điều gì?

- a. Mỗi cây hoa đều có ích, không thể coi thường.
- b. Không phải các cây hoa trong vườn đều có ích.
- c. Gió luôn là kẻ thù của các cây hoa.

Bài 2. Điền **s** hoặc **x** vào chỗ trống và đặt dấu phẩy vào những vị trí thích hợp trong hai câu sau:

"Lông cánh nó ___anh biếc mình nó nhỏ mỏ nó dài lông ức nó màu hung hung nâu coi ___inh lạ. Nó thu mình trên cành tre cổ rụt lại đầu cúi ___uống như kiêu ___oi gương."

Bài 3. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong các câu sau:

- a. Vì động lòng thương các loài hoa trong vườn, những gốc râm bụt cổ đâm chồi lên mặt đất, ken dần thành rừng.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

- b. Hoa huệ, cẩm chướng và hồng nhung đến gặp hoa râm bụt để nói lời xin lỗi.

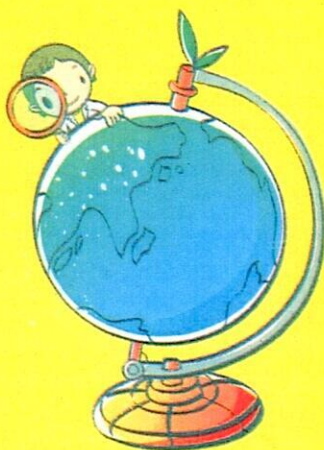
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

- c. Trên quảng trường Ba Đình lịch sử, lăng Bác uy nghi mà gần gũi.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 4. Viết đoạn văn khoảng 6 câu về một cây hoa mà em biết.





ARCHIMEDES

MẦM NON ARCHIMEDES KIDS

Trung Yên 10, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 096 713 5966

Tiểu Học ARCHIMEDES ACADEMY

Trường Công Giáo, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 094 396 6166

THCS ARCHIMEDES ACADEMY

Trung Yên 10, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 094 769 7171

TH, THCS & THPT ARCHIMEDES ĐÔNG ANH

Lô I-P1, Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội
ĐT: 039 226 3535